Tiết theo KHGD: 19,20

# TÊN BÀI DẠY: ÔN TẬP CUỐI KÌ I

**Thời gian thực hiện: 02 tiết**

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Về kiến thức**

Ôn tập các kiến thức về hình chóp tam giác tứ giác, tứ giác, hình thang, hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật

HSKT: Ôn tập các kiến thức về hình chóp tam giác tứ giác, tứ giác, hình thang, hình thang cân, hình bình hành, hình chữ nhật

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học, tư duy

- Năng lực giao tiếp, hợp tác

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo

**\* Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực nhận thức

- Năng lực tìm hiểu

- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng

**3. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ, nhân ái, trung thực, trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Đối với GV:*** SGK, Tài liệu giảng dạy, giáo án, đồ dùng dạy học.

***2. Đối với HS***: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập (bút, thước...), bảng nhóm, bút viết bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)  *(10 phút)***

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố lại kiến thức của các bài học trong học kì I.

**b) Nội dung:** HS tham gia thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của GV lập và hoàn thiện sơ đồ tổng kết các bài học trong học kì I.

**c) Sản phẩm:** Sơ đồ HS vẽ của các bài học trong học kì I.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chia lớp thành 3 nhóm hoạt động theo kĩ thuật khăn trải bàn và tổng hợp ý kiến vào giấy A1 thành sơ đồ tư duy theo các yêu cầu với các nội dung như sau:

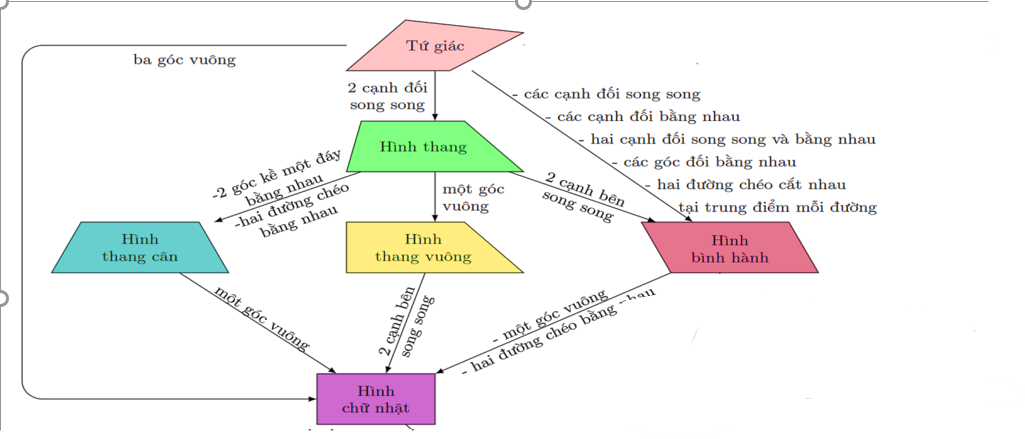
* NHÓM I: Hình học trực quan
* NHÓM II: Định lý Pythagore
* NHÓM III: Tứ giác (đến hình chữ nhật)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS chú ý, thảo luận nhóm hoàn thành yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi hoàn thành thảo luận: Các nhóm treo phần bài làm của mình trên bảng và sau khi tất cả các nhóm kết thúc phần thảo luận của mình GV gọi bất kì HS nào trong nhóm đại diện trình bày.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của các nhóm HS, trên cơ sở đó cho các em hoàn thành bài tập.

- GV trình chiếu và chốt lại các kiến thức của các bài học trong học kì I



**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**C. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Học sinh củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** HS vận dụng các kiến thức của bài học làm bài tập

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS dạng 3 trong đề cương ôn tập, BT 7, 11-SGK-122

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV tổ chức cho HS hoạt động thực hiện dạng 3 trong đề cương ôn tập

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS quan sát và chú ý lắng nghe, thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập GV yêu cầu.

- GV quan sát và hỗ trợ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

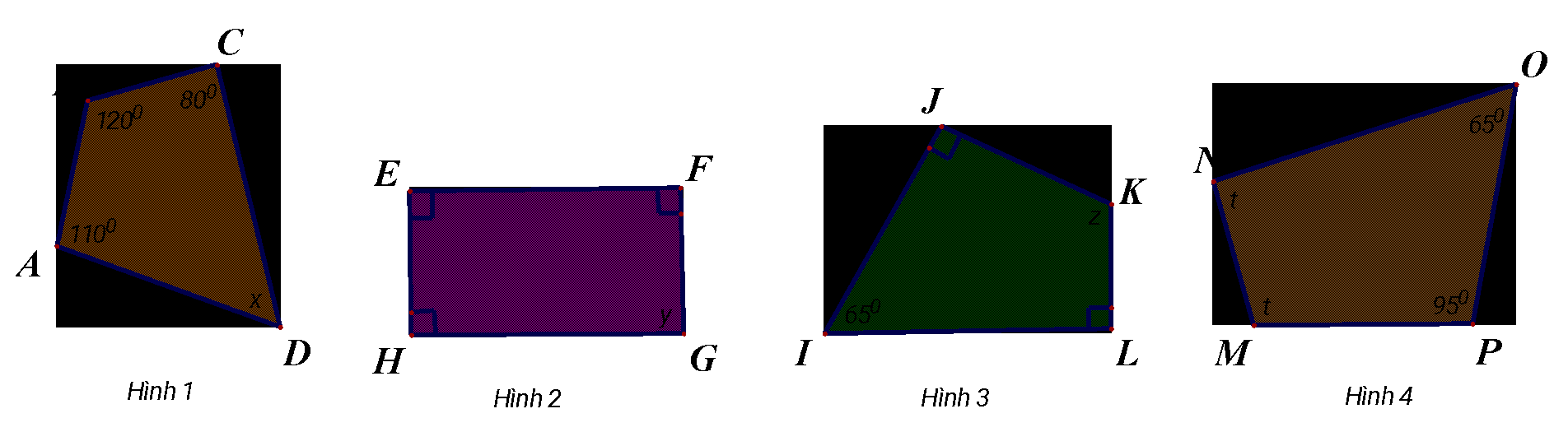
- Mỗi bài tập GV mời HS trình bày. Các HS khác chú ý chữa bài, theo dõi nhận xét bài trên bảng.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV chữa bài, chốt đáp án, tuyên dương các hoạt động tốt, nhanh và chính xác.

*Dạng: Tính số đo góc*

**Bài 1.** Tìm các góc x,y,z t chưa biết ở các hình bên dưới.



Giải:

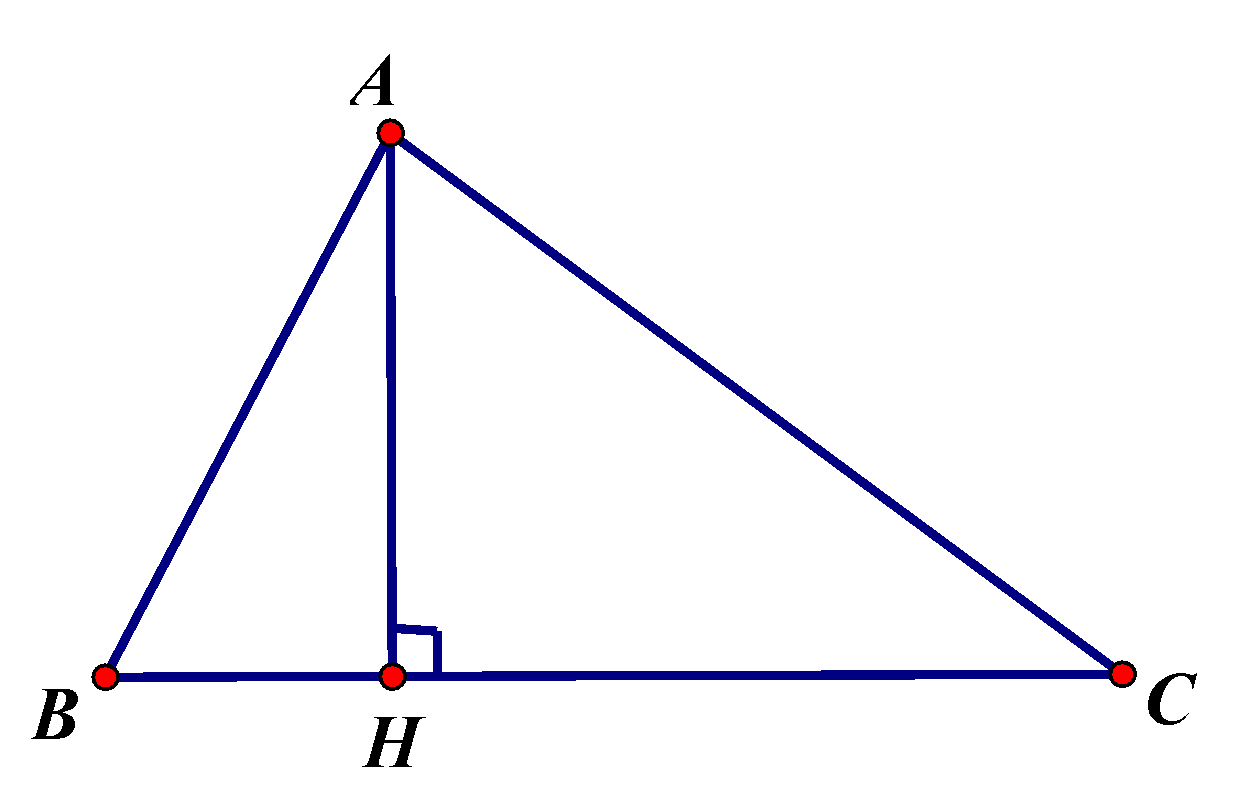
+ Hình 1:

Xét tứ giác ABCD có: (Định lý tổng 4 góc của tứ giác)

Vậy

Tương tự có: ;

*Dạng: Vận dụng Định lý Pythagore*

**Bài 2.** Cho tam giác nhọn ABC. Kẻ AH vuông góc với BC (H thuộc BC). Cho biết AB = 13cm, AH = 12cm, HC = 16cm. Tính các độ dài AC, BC.

Giải:

Vì AH BC tại H và vuông tại H

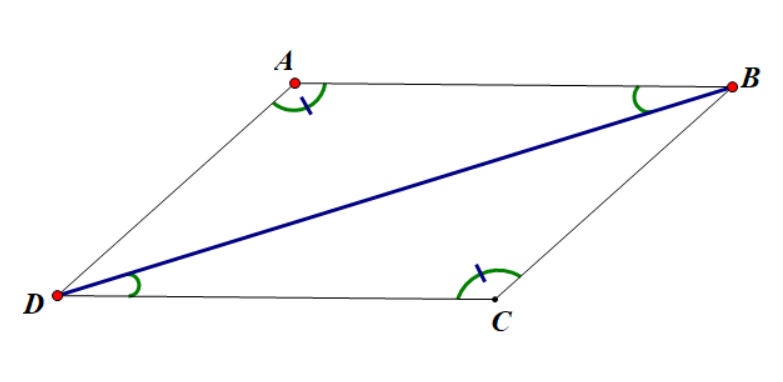
Xét vuông tại H có

Xét vuông tại H có

Có BC=BH+HC (HBC )

*Dạng: Chứng minh*

**Bài 7/SGK/122**

**Tứ giác** ABCD có 

Mà 2 góc ở vị trí so le trong

(dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song)(1)

có (định lí tổng ba góc của một tam giác)

có có (định lí tổng ba góc của một tam giác)

Mà và

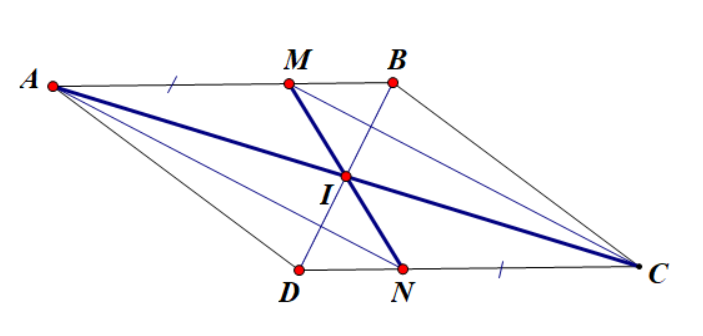
Nên =

Mà 2 góc ở vị trí so le trong

 (dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song)(2)

Từ (1) và (2) suy ra tứ giác ABCD là hình bình hành (dấu hiệu nhận biết)

Vậy tứ giác ABCD là hình bình hành (đpcm)

**Bài 11/sgk/122**

**a) Chứng minh **

Xét và có :

AM = CN (gt)

= (so le trong)

= (so le trong)

Suy ra :  (g.c.g)

Vậy : (đpcm)

**b) Chứng minh tứ giác AMCN là hình bình hành :**

Do (câu a)

Suy ra : IM = IN ; IA = IC ( cạnh tương ứng)

Suy ra I là trung điểm của MN, AC

Suy ra AMCN là hình bình hành ( dấu hiệu nhận biết)

**c) Chứng minh ba điểm B, I, D thẳng hàng**

Xét hình bình hành ABCD có I là trung điểm của đường chéo AC

Suy ra I là trung điểm của đường chéo BC

Hay ba điểm I, B, C thẳng hàng (đpcm)

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Học sinh thực hiện làm bài tập vận dụng để nắm vững kiến thức.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**c) Sản phẩm:** kết quả thực hiện các bài thêm.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

1. GV yêu cầu HS hoạt động hoàn thành câu 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11; 12.
2. GV cho HS thực hiện bài tập trên lớp và giao về nhà bài tập còn lại.

**Câu 1.** Điền từ, cụm từ thích hợp vào chỗ (…) trong câu sau để được khẳng định đúng: **“**Tứ giác có ... là hình chữ nhật.”

**A.** hai góc vuông. **B.** bốn góc vuông.

**C.** bốn cạnh bằng nhau. **D.** các cạnh đối song song.

**Câu 2.** Khẳng định nào sau đây ***sai***

**A.** Hình chữ nhật có hai đường chéo bằng nhau.

**B.** Hình chữ nhật có hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

**C.** Hình chữ nhật có hai cạnh kề bằng nhau.

**D.** Trong hình chữ nhật, giao của hai đường chéo là tâm của hình chữ nhật đó.

**Câu 3.** Hình chữ nhật có mấy tâm đối xứng?

**A.** 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 4.** Hình chữ nhật có kích thước hai cạnh kề là  và . Độ dài đường chéo của hình chữ nhật là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 5.** Một hình chữ nhật có kích thước hai cạnh kề là  và . Kích thước đường chéo của hình chữ nhật đó là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 6.** Cho hình chữ nhật  có  và đường chéo . Tính độ dài cạnh .

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 7.** Hình bình hành  là hình chữ nhật khi:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Câu 8.** Cho tam giác , đường cao .  là trung điểm của ,  đối xứng với  qua . Tứ giác  là hình gì?

**A.** Hình thang. **B.** Hình thang cân.

**C.** Hình thang vuông. **D.** Hình chữ nhật.

**Câu 9.** Hình chữ nhật  có  là giao điểm của hai đường chéo. Biết , tính số đo ?

**A.** . **B.**  **C.**  **D.** .

**Câu 10.** Cho tam giác ABC vuông tại A. Gọi M, N, P lần lượt là trung điểm của AB; AC, BC. Tứ giác AMPN là hình gì?

**A.** Hình thang. **B.** Hình thang cân.

**C.** Hình chữ nhật. **D.** Hình thang vuông.

**Câu 11.** Cho hình thang vuông  có . Gọi  là trung điểm của  và . Khẳng định nào sau đây ***sai***

**A.** . **B.** Tứ giác  là hình chữ nhật .

**C.**  là trung điểm của . **D.** .

**Câu 12.** Cho tứ giác . , , ,  là trung điểm của các cạnh , , , . Tứ giác  cần thêm điều kiện nào sau đây để tứ giác  là hình chữ nhật?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

1. HS suy nghĩ, trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.
2. GV điều hành, quan sát, hỗ trợ.

***Bước 3: Báo cáo, thảo luận***

1. Câu hỏi trắc nghiệm: HS trả lời nhanh, giải thích, các HS chú ý lắng nghe sửa lỗi sai.
2. Bài tập: đại diện HS trình bày kết quả thảo luận, các HS khác theo dõi, đưa ý kiến.

***Bước 4: Kết luận, nhận định***

1. GV nhận xét, đánh giá, đưa ra đáp án đúng, chú ý các lỗi sai của học sinh hay mắc phải.

***Đáp án trắc nghiệm:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *1. B* | *2. C* | *3. A* | *4. B* | *5. A* | *6. B* |
| *7. B* | *8. D* | *9. B* | *10.C* | *11. D* | *12. B* |

**\* HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ**

* Ghi nhớ kiến thức trong bài;
* Hoàn thành các bài tập trong đề cương
* Chuẩn bị làm bài kiểm tra cuối kì 1